TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:176/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Ông Phan Phước Tân.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 01, ấp Q, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang (0326 972 664);

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 01, ấp Q, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang (0326 972 665);

Bà Phan Thị L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/02/2023 của bà Phan Thị L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, về sống chung vợ chồng vào năm 1992, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bà L đi làm công nhân ở Bình

Dương nhưng đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, ông T có hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn xảy ra trầm trọng vào khoảng tháng 4/2022, bà bị ông T đánh đuổi ra khỏi nhà và ly thân cho đến nay. Ông T không liên hệ hàn gắn, nhận thấy tình cảm dành cho ông T không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 19/01/1994 và Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 09/01/1999. Hiện nay con chung đã trưởng thành có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông T.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông T theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án.

Theo biên bản lời khai ngày 11/04/2023: Ông T thống nhất lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay bà L nộp xin ly hôn ông đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Phan Thị G là chị ruột của bà L cho biết ông T và bà L là do tự tìm hiểu, yêu thương xây dựng gia đình mà không có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung với nhau từ trước đến nay luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Tính tình ông T cọc cằn, có hành vi bạo lực gia đình, đến tháng 4/2022 bà L và ông T ly thân nhau. Nay bà L nhận thấy không còn tình cảm dành cho ông T nên xin ly hôn thì bà G đồng ý và mong Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho bà L.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt có đơn, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Bà L và ông T không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên không công nhận vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà L chung sống với ông T đến đầu năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T hiện có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình *"Không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà L và ông T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008181 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà L đã nộp đủ). Ông T không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/5/2023) thời hạn kháng cáo của bà L và ông T được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thảo Ngân